

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2021

V/v ly hôn giữa chị H và anh K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Gấm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Định.

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST - HNGĐ ngày 06-5-2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-8-2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT tại: Xóm H, thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Gia K; sinh năm 1990.

Nơi cư trú tại: Xóm H, thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963;

Nơi cư trú tại: Xóm H, thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt; chị H, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28-4-2021, bản tự khai ngày 07-5-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Gia K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 31-3-2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn anh chị sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh K ham chơi, khi chị khuyên bảo thì anh K đánh chửi chị. Cuộc sống chung của anh chị thường xuyên xảy ra xô xát nên hạnh phúc gia đình mất dần. Tháng 11-2020 chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh K được nữa nên chị đã chuyển đi nơi khác sinh sống và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Từ thời điểm sống ly thân chị và anh K chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 16-12-2015. Hiện nay cháu L đang được anh K nuôi dưỡng. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con; tuy nhiên hiện nay cháu L đã sinh sống ổn định với anh K, chị thấy anh K đã chăm sóc tốt cho con; mặt khác anh K có nguyện vọng được nuôi con vì vậy chị đồng ý để anh K nuôi con. Anh K không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con nên chị không có ý kiến gì.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị và anh K không có nên chị không đề nghị Tòa án giải xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 20-8-2021 anh Nguyễn Gia K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian vợ chồng sống hòa thuận, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị H đã khai. Theo anh K nguyên nhân mâu thuẫn gia đình như chị H khai là không chính xác, bản thân anh mặc dù tính tình có hơi nóng nảy nhưng vẫn yêu thương và chăm lo cho vợ con. Khi anh và chị H xảy ra xô xát cãi nhau, chị H chuyển đi nơi khác sống riêng, anh đã tìm mọi cách để níu kéo chị H trở về đoàn tụ gia đình, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị H không đồng ý. Anh muốn đoàn tụ gia đình nhưng chị H cương quyết xin ly hôn, vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 16-12-2015. Hiện nay cháu L đang được anh nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng anh phải ly hôn thì anh xin nhận nuôi cháu L vì lý do cháu L đã sinh sống ổn định cùng anh, trong thời

gian cháu L được anh nuôi dưỡng anh đã chăm sóc con rất tốt. Anh làm nhân viên kinh doanh, thu nhập bình quân của anh là 8.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, vì vậy anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh và chị H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 30-7-2021, bà Nguyễn Thị T – mẹ của anh Nguyễn Gia K trình bày: Hiện nay chị H và anh K đã sống ly thân; con chung của chị H và anh K là cháu Nguyễn Gia L hiện nay đang được anh K nuôi dưỡng, gia đình bà hỗ trợ anh K trong quá trình anh K nuôi dưỡng cháu L.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 19-7-2021, chính quyền địa phương cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Gia K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V ngày 31-3-2014. Hiện nay anh K và chị H vẫn đăng ký hộ khẩu thường tại xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Gia K.

- + Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 16-12-2015 cho anh Nguyễn Gia K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh K.

- + Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- + Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Gia K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm H, thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Gia K tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 31-3-2014, như vậy hôn nhân của chị H và anh K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần; anh chị đã sống ly thân từ tháng 11-2020 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị H và anh K không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 11-2020 đến nay, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị H và anh K đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Gia K có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 16-12-2015. Hội đồng xét xử xét thấy anh K có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con; mặc khác anh K là người trực tiếp nuôi con từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay, chị H đồng ý cho anh K được nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị H và anh K, giao cháu Nguyễn Gia L cho anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Gia K không yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị H và anh K cùng xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Gia K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 16-12-2015 cho anh Nguyễn Gia K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Gia K.

3. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Nguyễn Gia K.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng. Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0001189 ngày 06-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Chị H đã nộp xong).

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Gia K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS,VP.

Bùi Thị Gấm